

Bản án số: 33/2019/DS-ST

Ngày: 13/8/2019

V/v: *Tranh chấp hợp đồng dân sự*

(*Hợp đồng thi công xây dựng*).

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG- TỈNH CAO BẰNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Quốc Hùng.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Văn Hải

2. Bà Nông Thị Duyên

Thư ký phiên tòa: Ông Lục Đức L - Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên tòa:
Bà Trương Thị Nha - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2019. Tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 15/2018/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2019/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Xuân C - sinh năm

Địa chỉ: tổ B, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Đình - Văn Phòng luật sư Nguyễn Đình, đoàn Luật sư Cao Bằng.

- *Bị đơn:* Các hộ dân tổ T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đàm Huy T - Tổ trưởng tổ T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nông Hoàng D

Địa chỉ: tổ T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

2. Ông Nông Việt C

Địa chỉ: tổ T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

3. Ông Hoàng Văn L

Địa chỉ: tổ T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

- Ngày 12/8/2017, ông C và các hộ dân tổ T, phường Đ, thành phố C (đại diện là ông Đàm Huy T) có ký hợp đồng xây nhà văn hóa của tổ T, phường Đ, thành phố C.

- Ngày 08/11/2017 ông C và các hộ dân tổ T, phường Đ, thành phố C (đại diện là ông Đàm Huy T) có ký hợp đồng xây nhà vệ sinh của nhà văn hóa của tổ T, phường Đ, thành phố C.

Ngoài hai hợp đồng trên, do nhu cầu của của Ban xây dựng của tổ T, phường Đ nên giữa ông C và các hộ dân cư tổ T đã thỏa thuận làm thêm các hạng mục: Lát gạch sân khấu; xây tường rào; san nền sân; đầm nền sân; đổ bê tông mặt sân (có bảng kê tổng hợp và đã được ban xây dựng của tổ T công nhận hoàn thành).

Về quyền và nghĩa vụ của các bên được thể hiện cụ thể trong các Hợp đồng đã ký kết giữa hai bên.

Thực hiện sự thỏa thuận và giao ước hai giữa hai bên theo các hợp đồng, ông Trần Xuân C đã thực hiện xong công việc đúng theo các điều khoản được cam kết trong hợp đồng về kích thước, khối lượng, chất lượng và thời gian không có sai sót nào.

Toàn bộ các hạng mục đã hoàn thành đã bàn giao cho các hộ dân cư tổ T, phường Đ, thành phố C, với tổng số tiền công thi công xây dựng là: 149.330.000đ (một trăm bốn mươi chín triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng). Tổ T đã trả cho ông C được 129.0000.000đ (một trăm hai mươi chín triệu đồng), số tiền tổ T, phường Đ còn nợ lại ông C là 20.330.000đ (hai mươi triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng). Từ khi công trình hoàn thành ông C đã nhiều lần đến đòi số tiền công tổ T còn nợ nhưng không được thanh toán. Nên ông làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các hộ dân cư tổ T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng thanh toán số tiền còn nợ lại đối với ông C.

- Người đại diện của bị đơn trình bày: do nhu cầu xây dựng nhà văn hóa tổ T, phường Đ nên tổ dân phố đã ký hợp đồng thi công với ông C theo 02 hợp đồng như ông C đã nêu.

Trong quá trình thi công các bên có thống nhất miệng với nhau (không lập thành biên bản): Tổ dân phố đã tiến hành họp ban xây dựng ngày 20/11/2017 có mặt ông C, thống nhất không tính theo giọt ranh nhưng tính chi phí phát sinh cho ông C thêm 2.500.000đ. Tuy nhiên, do công trình không hoàn thành đúng theo tiêu chuẩn, chất lượng nên tổ không tính thêm cho ông C số tiền 2.500.000đ. Ngày 25/01/2018 tổ dân phố đã họp thống nhất không tính thêm số tiền 2.500.000đ và tính hoàn thành 09 hạng mục kèm theo. Tổng số tiền hai bên thống nhất: 136.000.000đ, tổ đã thanh toán cho ông C được 129.000.000đ. Hiện nay tổ còn nợ ông C là 7.000.000đ, tuy nhiên trong biên bản cuộc họp hôm đó ông C không ký tên.

Sau đó Ủy ban nhân dân phường Đ có họp thanh tra về việc xây dựng nhà Văn hóa: có tính lại diện tích nhà văn hóa, kê toàn bộ hạng mục và chi phí công

xây dựng. Do công trình xây dựng không đảm bảo chất lượng, tổng cộng ban thanh tra đã giảm trừ 8.291.000đ tiền công của ông C. Như vậy, tổ dân phố T đã thanh toán cho ông C được 129.000.000đ. Do đó ông C còn phải trả lại tiền cho tổ T số tiền 1.200.000đ. Nếu không có kết luận của ban thanh tra thì tổ còn nợ ông C là 7.000.000đ, nhưng có kết luận của ban thanh tra thì ông C còn nợ lại tổ là 1.200.000đ.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nông Việt C trình bày: tôi là người dân sinh sống tại tổ T, phường Đ, thành phố C, tôi cũng tham gia vào Ban xây dựng được phân công vào tổ giám sát, trong tổ giám sát có cả ông L và ông V. Hợp đồng xây dựng được ký kết giữa tổ T với ông C có ông T là Trưởng Ban xây dựng đại diện cho Ban xây dựng ký kết. Tôi, ông L và ông V đều thực hiện với vai trò giám sát, phân công mỗi người giám sát một ngày, thay phiên nhau. Nếu có phát sinh việc gì không hợp lý đều có báo cáo lại với Trưởng Ban xây dựng để giải quyết, ví dụ như sân thi công trồng không đạt ông C đều dừng lại xem xét, gạch bị ướt không đảm bảo ông C cũng dừng lại để thực hiện theo đúng yêu cầu. Ông C đều tuân thủ theo yêu cầu của Ban giám sát và đều thực hiện như bên giám sát yêu cầu. Khối lượng phải thi công cũng đã thể hiện trong hợp đồng, có bản thiết kế. Những hạng mục không đạt như Hội trường nhà văn hóa phần trong nhà chưa đạt, phần sân bị trồng ông C cũng đã cho người đến để làm và khắc phục lại. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa đạt theo yêu cầu. Vì người dân là người đóng góp tiền để xây dựng nhà văn hóa nên họ có quyền yêu cầu ông C phải khắc phục phần hạng mục chưa hoàn thành. Còn riêng về tiền công hoặc tiền xây dựng ông C không được tham gia. Thanh toán với nhau cụ thể như thế nào ông C không nắm được, số tiền còn nợ 20.330.000đ theo ông C kê ông C không biết. Ông C yêu cầu Tòa án xem xét tới các quy định của pháp luật, có xem xét tới cả tình và lý để giải quyết vụ án để thấu tình đạt lý.

+ Ông Nông Hoàng D trình bày: tôi là người đực giao phụ trách việc mua sắm vật liệu xây dựng, toàn bộ công trình xây dựng gồm có: chủ yếu là xi măng Quang Sơn, có khoảng 02 tấn là xi măng Lưu Xá, số còn lại là xi măng xã hội hóa được cho không nên số xi măng xã hội hóa về chất lượng không được đảm bảo nên khi lát nền thì bị bong, ông C cũng đã có ý kiến về chất lượng xi măng. Việc thi công với xi măng có chất lượng kém rất vất vả cho người thi công. Về diện tích thi công, ông C có tính đến giọt ranh nên có sự chênh lệch về diện tích giữa các bên trình bày. Nhưng tính theo giọt ranh thì người dân không đồng tình, dân chỉ nhất trí tính theo diện tích phủ bì. Ông C không đồng ý vì như vậy sẽ mất đi những diện tích ông C đã thi công, nhưng Ban xây dựng có nói sẽ tính thêm chi phí phát sinh thì tính theo diện tích phủ bì cũng được. Xong ông C cũng không nhất trí. Nay ông C có yêu cầu tính theo giọt ranh thì phải có sự đồng ý của Ủy ban nhân dân phường Đ. Có sự thay đổi không đúng theo bản thiết kế là do xây bằng gạch vồ, nhiều chi tiết không thể cắt ngang được, nhìn bằng mắt thường người dân thấy không đúng theo bản thiết kế nên đã thống nhất với nhau trừ tiền công 10.000.000đ. Do sân làm bị trồng nên người dân cũng yêu cầu trừ tiền công. Sau đó cũng có Ban thanh tra của Ủy ban nhân dân phường Đ đến làm việc, đo đạc cụ thể thấy không đúng với thiết kế, tuy nhiên theo tôi nhận thấy còn phải trừ

đi phần nông móng nên việc chênh lệch cũng không đáng kể. Những phần nào cần phải khắc phục, sửa chữa, khi yêu cầu ông C đều cho thợ đến để làm lại theo yêu cầu.

+ Ông Hoàng Văn L: tôi được bà con trong xóm tín nhiệm bầu vào Ban xây dựng, tôi phụ trách việc thiết kế công trình nhà văn hóa. Trong quá trình thi công tôi thấy ông C đã thi công đúng theo bản thiết kế đã đưa ra, những phần thay đổi so với thiết kế ban đầu thì đều có sự thống nhất giữa các bên sau đó ông C mới tiến hành thi công.

Tại biên bản hòa giải ngày 22/4/2019 các bên thống nhất về việc đo lại diện tích phần xây dựng của Nhà văn hóa. Tại biên bản đo lại diện tích Nhà văn hóa tổ T, phường Đ ngày 29/6/2019, các bên tự đo đạc và cung cấp cho Tòa án, số diện tích cụ thể được thể hiện như sau: Chiều rộng: 9,6m, chiều dài: 19,9m, tổng diện tích: 184m^2 (nhưng thực tế $9,6\text{m} \times 19,9\text{m} = 191,04\text{m}^2$). Tuy nhiên tại phiên tòa ông C chỉ yêu cầu được thanh toán tiền công là 180m^2 theo Bảng kê đã yêu cầu thanh toán.

Ngày 01/8/2019 Tòa án đã tiến hành xác minh đối với ông Phan Thái H nguyên là chủ tịch UBND phường Đ, thành phố C về nội dung Biên bản làm việc ngày 19/3/2018 tại Nhà Văn hóa tổ T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Qua trao đổi ông Phan Thái H cho biết: Tôi xác nhận ngày 19/3/2018 tại nhà Văn hóa tổ T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng có lập biên bản làm việc. Tuy nhiên, theo nội dung buổi làm việc thì đại diện UBND phường Đ chỉ tham gia với tư cách là người chứng kiến. Ban xây dựng nhà văn hóa tổ T là do tổ T, phường Đ tự lập trên cơ sở người dân tổ T, phường Đ tự lựa chọn và bầu ra các thành viên của Ban xây dựng. Có sự phân công cụ thể của các thành viên Ban xây dựng.

Ban thanh tra xây dựng nhà văn hóa cũng do các hộ dân tổ T, phường Đ lựa chọn và bầu ra các thành viên. Ban thanh tra xây dựng tổ T, Ban xây dựng nhà văn hóa tổ T dưới sự chứng kiến của Ủy ban nhân dân phường Đ đã cùng có mặt để tiến hành kiểm tra rà soát lại các khoản chi phí xây dựng công trình nhà văn hóa tổ T, Ban thanh tra đã kiểm tra, đối chiếu giữa khối lượng hoàn thành thực tế của công trình với các khoản chi phí vật liệu, chi phí công xây dựng được kê tại bảng tổng hợp chi tiết xây dựng nhà văn hóa do Ban xây dựng nhà văn hóa lập. Căn cứ vào các định mức xây dựng hiện hành (đã tính thêm lượng vật liệu có thể bị hao phí trong quá trình xây dựng) và kinh nghiệm thi công thực tế Ban thanh tra đã thẳng thắn đề nghị Ban xây dựng tổ T cung cấp chứng từ và giải trình những vướng mắc về những khoản chi phí chưa hợp lý. Sau quá trình kiểm tra và yêu cầu giải trình làm rõ, Ban thanh tra xây dựng nhà văn hóa, Ban xây dựng nhà văn hóa, dưới sự chứng kiến của UBND phường Đ đã thống nhất giảm trừ các khoản chi phí vật liệu và tiền công ra khỏi chi phí xây dựng nhà văn hóa tổ T. Tổng cộng số tiền giảm trừ và yêu cầu không tính vào giá trị quyết toán xây dựng Nhà văn hóa là 29.694.000đ. Tôi khẳng định đại diện UBND phường Đ chỉ tham gia tại buổi làm việc ngày 19/3/2018 với tư cách là người chứng kiến. Trong quá trình thi công nhà văn hóa, UBND phường Đ không có sự chỉ đạo về việc xây dựng nhà văn hóa và không có thẩm quyền can thiệp vào việc xây dựng của nhà

văn hóa tổ T. Việc xây dựng nhà văn hóa là hoàn toàn do ông C và các hộ dân tổ T, phường Đ tự bàn bạc thỏa thuận với nhau.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: căn cứ vào hợp đồng đã ký kết giữa các bên, quá trình thực hiện việc thỏa thuận ông C không có vi phạm gì các điều khoản đã thỏa thuận. Việc thi công đã xong, công trình đã được bàn giao cho tổ đưa vào sử dụng được nhưng đến nay chưa được thanh toán tiền thi công. Phía tổ T tính diện tích theo phủ bì nhưng không được sự đồng ý của ông C, Hợp đồng ký kết giữa các bên không có thay đổi bằng văn bản nào khác. Như vậy, Hợp đồng đã ký kết là có hiệu lực. Do đó, yêu cầu của ông C là có căn cứ nên cần buộc tổ T, phường Đ, thành phố C phải thực hiện theo đúng hợp đồng đã ký kết và có trách nhiệm thanh toán khoản tiền thi công xây dựng còn thiếu 20.330.000đ (hai mươi triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng) cho ông C.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

-Về tố tụng: từ khi thụ lý đến nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký cũng như nguyên đơn đều chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chấp hành chưa tốt. Thẩm phán vi phạm về thời hạn xét xử.

-Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân C. Tuyên bố buộc các hộ dân tổ T, phường Đ, thành phố C phải có trách nhiệm thanh toán số tiền công còn thiếu là 20.330.000đ (hai mươi triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng) cho ông Trần Xuân C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về hợp đồng thi công xây dựng, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Hợp đồng dịch vụ” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Ông Trần Xuân C và dân cư tổ T, phường Đ, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng có ký kết với nhau 02 hợp đồng thi công xây dựng cụ thể:

- Ngày 12/8/2017, ông C và các hộ dân tổ T, phường Đ, thành phố C (đại diện là ông Đàm Huy T) có ký hợp đồng xây nhà văn hóa của tổ T, phường Đ, thành phố C.

- Ngày 08/11/2017 ông C và các hộ dân tổ T, phường Đ, thành phố C (đại diện là ông Đàm Huy T) có ký hợp đồng xây nhà vệ sinh của nhà văn hóa của tổ T, phường Đ, thành phố C.

Ngoài hai hợp đồng trên, do nhu cầu của của Ban xây dựng của tổ T, phường Đ nên giữa ông C và các hộ dân cư tổ T đã thỏa thuận làm thêm các hạng mục:

Lát gạch sân khấu; xây tường rào; san nền sân; đầm nền sân; đổ bê tông mặt sân (có bảng kê tổng hợp và đã được Ban xây dựng của tổ T công nhận hoàn thành).

Thực hiện các cam kết của hợp đồng đã ký kết giữa hai bên, ông Trần Xuân C đã thi công các hạng mục xây dựng như Hợp đồng đã ký kết và đã hoàn thành công việc của mình. Tuy nhiên sau khi kết thúc công việc ông C chưa được thanh toán hết số tiền công. Cụ thể, theo đơn khởi kiện của ông C thì số tiền ông C đã thi công là 149.330.000đ, ông C đã tạm ứng 129.000.000đ; hiện nay tổ T, phường Đ, thành phố C còn nợ tiền công của ông C là: 20.330.000đ.

Về phía dân cư tổ T, phường Đ, thành phố C cho rằng: việc ký kết hợp đồng thi công xây dựng Nhà văn hóa của tổ T, phường Đ, thành phố C như đơn khởi kiện của ông C trình bày là đúng. Nhưng trong quá trình thi công giữa hai bên có sự thỏa thuận thống nhất với nhau về một số thay đổi so với hợp đồng, tuy nhiên việc thỏa thuận không được lập thành văn bản. Cụ thể: đối với việc tính diện tích xây dựng theo hợp đồng là tính theo giọt ranh nhưng trong quá trình thi công đã thống nhất không tính theo giọt ranh mà tính theo diện tích phủ bì, nhưng có tính đến chi phí phát sinh cho ông C là 2.500.000đ. Ngày 25/01/2018 tổ dân phố đã họp thống nhất không tính thêm số tiền 2.500.000đ do việc thi công không đảm bảo về chất lượng và tính hoàn thành 09 hạng mục kèm theo. Tổng số tiền hai bên thống nhất: 136.000.000đ, tổ đã thanh toán cho ông C được 129.000.000đ. Hiện nay tổ còn nợ ông C là 7.000.000đ. Tuy nhiên trong biên bản cuộc họp hôm đó ông C không ký tên. Sau đó Ủy ban nhân dân phường Đ có họp thanh tra về việc xây dựng nhà Văn hóa: Có tính lại diện tích nhà văn hóa, kê toàn bộ hạng mục và chi phí công xây dựng. Do công trình xây dựng không đảm bảo chất lượng. Tổng cộng ban thanh tra đã giảm trừ 8.291.000đ tiền công của ông C. Như vậy, Tổ dân phố 24 đã thanh toán cho ông C được 129.000.000đ. Do đó, ông C còn phải trả lại tiền cho tổ T số tiền 1.200.000đ. Nếu không có kết luận của Ban thanh tra thì tổ còn nợ ông C là 7.000.000đ, nhưng có kết luận của Ban thanh tra thì ông C còn nợ lại tổ là 1.200.000đ.

Hội đồng xét xử xét thấy:

- Việc ký kết hợp đồng giữa hai bên được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, hoàn toàn ngay tình, các bên giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Đối tượng của Hợp đồng là thực hiện công việc (thi công xây dựng Nhà văn hóa tổ T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng).

Như vậy, về Hợp đồng được ký kết giữa các bên là hoàn toàn phù hợp với quy định tại các Điều 513, 514, 515, 516, 517, 518 và Điều 519 Bộ luật dân sự 2015.

Sau khi ký kết hợp đồng ông C đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo sự thỏa thuận và đúng theo quy định của pháp luật. Điều này được thể hiện qua Bảng kê các hạng mục đã hoàn thành nhà văn hóa tổ T, phường Đ, thành phố C. Trong bảng kê này có sự xác nhận của Ban xây dựng tổ T (Đại diện là ông Đàm Huy T là Trưởng Ban xây dựng); Tại bảng kê này chỉ không thống nhất về diện tích nhà C, cụ thể theo phần kê của ông C thì diện tích nhà Văn hóa là

180m², còn ông T thể hiện bút tích “Riêng diện tích nhà C kích thước 160m². Ngoài ra các hạng mục khác không có sự mâu thuẫn về hoàn thành của hạng mục.

Việc chênh lệch về số liệu của diện tích của Nhà văn hóa là do cách tính khác nhau, phía ông C căn cứ vào hợp đồng đã ký kết giữa các bên là tính theo giọt ranh, còn phía tổ T, phường Đ thì tính diện tích nhà văn hóa theo phủ bì. Để giải thích cho cách tính của mình phía tổ T căn cứ vào ý kiến của người dân trong tổ và cho rằng việc tính theo diện tích phủ bì đã được sự thống nhất của ông C. Tuy nhiên tại các buổi hòa giải và tại phiên tòa hôm nay ông C không chấp nhận việc tính theo diện tích phủ bì mà cần phải tính theo giọt ranh như đã thỏa thuận trong hợp đồng đã được ký kết giữa các bên. Về yêu cầu của ông C là có căn cứ vì tại khoản 1 Điều 1 của Hợp đồng được ký kết ngày 12/8/2017 thể hiện “1. Đơn giá xây dựng: gồm xây dựng từ móng đến lợp mái, láng nền, giăng tường trên cửa, lắp điện, nước cho công trình. Bên A khoán gọn tiền công cho bên B theo mét vuông (m²) theo giọt ranh. Đơn giá mỗi m² xây dựng hoàn thiện được tính như sau: ...”. Như vậy, trong quá trình thi công xây dựng không có một văn bản nào khác thỏa thuận về việc thay đổi hợp đồng đã ký kết giữa các bên về cách tính diện tích xây dựng. Do đó, Hợp đồng đã ký kết giữa các bên là có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, cần phải tính diện tích đã thi công cho ông C theo như đã thỏa thuận trong hợp đồng (tính theo giọt ranh). Ngày 29/6/2019 các bên tự đo đạc và cung cấp cho Tòa án, số diện tích cụ thể được thể hiện như sau: Chiều rộng: 9,6m, chiều dài: 19,9m, tổng diện tích: 184m² (nhưng thực tế 9,6m x 19,9m = 191,04m²). Tuy nhiên tại phiên tòa ông C chỉ yêu cầu được thanh toán tiền công là 180m² theo Bảng kê các hạng mục đã hoàn thành có chữ ký xác nhận của ông Đàm Huy T là Trưởng Ban xây dựng.

Đối với Biên bản của Ban thanh tra ngày 19/3/2018 đã giảm trừ 8.291.000đ tiền công của ông C số tiền là không có căn cứ. Vì trong quá trình thi công công trình, tổ T có thành lập Ban xây dựng và phân công nhiệm vụ của từng người, trong đó có phân công người giám sát việc thi công công trình. Tuy nhiên, trong quá trình ông C thi công xây dựng không có bất kỳ văn bản hay chứng cứ nào thể hiện việc ông C vi phạm theo thỏa thuận trong hợp đồng xây dựng được ký kết giữa các bên. Việc giảm trừ không nêu ra được căn cứ vào đâu để giảm trừ và không nêu ra được lý do vì sao lại giảm trừ tiền đối với ông C. Trong Biên bản làm việc của Ban thanh tra ngày 19/3/2018 có nêu ra các khoản giảm trừ như: 2.800.000đ tiền diện tích còn thiếu, nhưng không thể hiện rõ diện tích còn thiếu là diện tích nào, trong khi đó việc tiến hành đo lại diện tích thực tế giữa các bên được lập ngày 29/6/2019 mà các bên tự tiến hành đo đạc thì diện tích xây dựng nhà văn hóa là 9,6m x 19,9m = 191,04m², như vậy số diện tích còn nhiều hơn cả số diện tích theo bảng kê mà ông C yêu cầu thanh toán; giảm trừ 2.500.000đ số tiền công phát sinh xây dựng nhưng không nêu rõ căn cứ vào đâu để giảm trừ số tiền này; mặt khác việc đại diện tổ T cho rằng chất lượng thi công công trình là kém như nền nhà lát bị bong, sân bị trũng. Nhưng qua việc trình bày của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì một phần là do chất lượng xi măng kém chất lượng vì là xi măng xã hội hóa được cho không, về chất lượng xi măng kém chất lượng cũng đã được ông C phản ánh lại với Ban xây dựng. Phần sân bị trũng

ông C cũng đã cho người đến sửa lại. Như vậy không có đủ cơ sở để cho rằng ông C vi phạm hợp đồng đã thi công mà giảm trừ tiền công của ông C.

Quá trình giải quyết vụ án đại diện tổ T, phường Đ yêu cầu đưa Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố C vào tham gia tố tụng vì cho rằng tại Biên bản làm việc của Ban thanh tra đã giảm trừ 8.291.000đ tiền công của ông C là do phường quyết định. Nhưng Tòa án xét thấy Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng không liên quan đến vụ án. Vì việc ký kết hợp đồng thi công Nhà văn hóa tổ T, phường Đ là sự thỏa thuận của tổ T với bên thi công xây dựng là ông C, đây là công trình xã hội hóa được hình thành từ nguồn tiền đóng góp của các hộ dân cư sinh sống trên địa bàn tổ T, phường Đ. Do đó, Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng không có thẩm quyền chỉ đạo hay can thiệp vào việc xây dựng nhà văn hóa của tổ. Tòa án đã tiến hành xác minh đối với ông Phan Thái H (Nguyên là chủ tịch phường Đ) là đại diện Ủy ban nhân dân phường Đ với tư cách là Chủ tịch phường có tên trong Biên bản làm việc ngày 19/3/2018 tại Nhà văn hóa tổ T, phường Đ, thành phố C. Qua xác minh được biết Ủy ban nhân dân phường Đ chỉ tham gia với tư cách là người chứng kiến chứ không có thẩm quyền chỉ đạo hay can thiệp vào việc thực hiện xây dựng Nhà văn hóa tổ T, mà việc ký kết hợp đồng là hoàn toàn do tổ T, phường Đ tự ký kết và thực hiện với ông C.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy về yêu cầu của ông C buộc các hộ dân cư tổ T, phường Đ phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền công mà các hộ dân cư còn thiếu đối với ông C là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ: các Điều 513, 514, 515, 516, 517, 518 và Điều 519 Bộ luật dân sự. Căn cứ: khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân C.

Buộc các hộ dân cư tổ T, phường Đ, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng phải có trách nhiệm thanh toán số tiền thi công xây dựng còn thiếu cho ông Trần Xuân C số tiền là: 20.330.000đ (hai mươi triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng).

2. Về án phí:

Các hộ dân cư tổ T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của giá trị Hợp đồng có tranh chấp (20.330.000đ), cụ thể số tiền án phí phải nộp là: 1.016.500đ (một triệu không trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng) để sung công quỹ nhà nước.

Ông Trần Xuân C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nay ông C được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai số AA/2016/0000416 ngày 23/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt các bên đương sự, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nông Quốc Hùng